

Số: 09/2025/QĐST-D, ngày 22 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 14-7-2025 của các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 193/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Trụ sở chính: A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội. (nay là Phường H, Thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T1 – Giám đốc Ngân hàng TMCP N chi nhánh V1. Theo văn bản ủy quyền số 1245/UQ-VCB –PC ngày 10/09/2024.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Ngọc K – Phó trưởng phòng khách hàng bán lẻ – Ngân hàng TMCP N chi nhánh V1. Theo giấy ủy số 109/UQ-VCB-HCNS ngày 23/01/2025.

Địa chỉ: B T, Phường A, Thành phố V, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (nay là Phường V, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ I, Kp H, phường P, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (nay là Phường P, tỉnh Đồng Nai).

[2]. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V xác nhận còn nợ và có trách nhiệm thanh toán cho Ngân Hàng TMCP N chi nhánh V1 tính đến ngày 13 tháng 07 năm 2025 tổng cộng số tiền là: 3.695.868.182 đồng (Ba tỷ, sáu trăm

chín mươi năm triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng); Trong đó tiền nợ gốc là 3.595.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), nợ lãi là 100.868.182 đồng (Một trăm triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng) (Bao gồm: lãi trong hạn là 100.786.846 đồng; nợ lãi quá hạn: 81.336 đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số ND/23-223 ngày 30/6/2023 và giấy nhận nợ ngày 30/6/2023 và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay tính từ ngày 14/7/2025.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 299469, số vào sổ cấp GCN: CS 06143 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/6/2019, cập nhật chủ sở hữu đứng tên ông Nguyễn Ngọc T2 ngày 21/6/2023. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 325282, số vào sổ cấp GCN: CS 06161 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/6/2019, cập nhật chủ sở hữu đứng tên ông Nguyễn Ngọc T2 ngày 21/6/2023. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23-223/VCB.VT ngày 30/6/2023, số công chứng 692, quyền số 07/2023TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai ngày 01/7/2023.

- Trường hợp ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V không thanh toán hết toàn bộ số tiền 3.695.868.182 đồng (Ba tỷ, sáu trăm chín mươi năm triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng); Trong đó tiền nợ gốc là 3.595.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), nợ lãi là 100.868.182 đồng (Một trăm triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho ngân hàng TMCP N chi nhánh V1 thì ngân hàng TMCP N chi nhánh V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo của ông Nguyễn Ngọc T2 để thu hồi nợ.

- Trường hợp tài sản đảm bảo của ông Nguyễn Ngọc T2 sau khi bán không đủ thanh toán số tiền nợ cho ngân hàng thì ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V có trách nhiệm tiếp tục thanh toán các khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

- Sau khi bà ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N chi nhánh V1 mà không phải qua phát mãi tài sản thì Ngân hàng TMCP N chi nhánh V1 có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T2 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 299469, sổ vào sổ cấp GCN: CS 06143 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/6/2019, cập nhật chủ sở hữu đứng tên ông Nguyễn Ngọc T2 ngày 21/6/2023 và 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 325282, sổ vào sổ cấp GCN: CS 06161 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/6/2019, cập nhật chủ sở hữu đứng tên ông Nguyễn Ngọc T2 ngày 21/6/2023.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng), bị đơn phải chịu số tiền trên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí nên ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền trên.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự là 52.958.682đồng (Năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tám ngàn, sáu trăm tám mươi hai đồng).

- Ngân hàng TMCP N được hoàn lại số tiền 52.100.000đồng (Năm mươi hai triệu, một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000246 ngày 28-3-2025 của Chi cục T3 hành án dân sự thành phố V. (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh)

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- VKSND TP . Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án TP . vũng Tàu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lương